

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ



EVNINTERNATIONAL

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103019858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 với mã số doanh nghiệp 0102379203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/05/2016)

Địa chỉ : Lô số 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 0511. 6255656

Fax: 0511.3633.991

Website : <http://www.evni.vn>

Email : thanhevni@gmail.com

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Nguyễn Thành - Thư ký Công ty

Điện thoại: 051.6255656





MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM.....	4
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG.....	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
1.1 Giới thiệu chung về Công ty đại chúng	6
1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	7
1.3 Quá trình hình thành và phát triển	8
1.4 Quá trình tăng/giảm vốn điều lệ	9
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty và cơ cấu trong tập đoàn	13
3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty	14
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	17
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	19
6. Hoạt động kinh doanh.....	19
6.1 Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm	19
6.2 Chi phí sản xuất kinh doanh	21
6.3 Nguyên vật liệu.....	22
6.4 Trình độ công nghệ.....	22
6.5 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền	23
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 2014 đến 2016.....	24
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	26
9. Chính sách đối với người lao động.....	27
9.1 Số lượng người lao động trong Công ty	27
9.2 Chính sách đối với người lao động.....	28
10. Chính sách cổ tức.....	29
11. Tình hình tài chính của Công ty	30
12. Tài sản (những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu Công ty).....	33
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	35
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)	36



15. Chiến lược định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	39
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	40
17. Ý kiến của tổ chức tư vấn về tình hình và đặc điểm của Công ty	40
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY	42
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị	42
2. Cơ cấu thành phần Ban kiểm soát	49
3. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.....	54
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	54
IV. PHỤ LỤC	56

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Tóm tắt quá trình góp vốn.....	9
Bảng 2: Chi tiết góp vốn khi thành lập năm 2007	9
Bảng 3: Chi tiết góp vốn tăng thêm năm 2008	11
Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ Công ty	17
Bảng 5: Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/12/2016.....	18
Bảng 6: Doanh thu Công ty giai đoạn 2014 – 2016.....	21
Bảng 7: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh từ năm 2014 đến năm 2016.....	21
Bảng 8: Cơ cấu chi phí kinh doanh theo yếu tố	22
Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh từ 2014 đến 2016	24
Bảng 10: Cơ cấu lao động trong công ty tại 31/12/2016	27
Bảng 11: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản	30
Bảng 12: Hàng tồn kho của Công ty.....	31
Bảng 13: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty	32
Bảng 14: Tài sản cố định tại ngày 31/12/2015 và tại ngày 31/12/2016.....	33
Bảng 15: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 31/12/2015 và 31/12/2016	34
Bảng 16: Danh mục tài sản đất đai Công ty hiện đang quản lý, sử dụng như sau:.....	34
Bảng 17: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016 – 2017	35

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Cơ cấu trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam	13
Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	14



I. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản Thông tin tóm tắt này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Công ty đại chúng	Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC
Công ty tư vấn/ Tổ chức tư vấn	Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế
Cổ phiếu/ cổ phần	Chứng chỉ do Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế
Người có liên quan:	Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân; - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết; - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó; - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát; - Công ty mẹ, công ty con; - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

**EVNINTERNATIONAL****Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản Tóm tắt thông tin này có nội dung như sau:**

BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
Công ty/EVNI	Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế
CP	Cổ phiếu
CPLH	Cổ phiếu lưu hành
DTT	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
EPS	Earning Per Share - Là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu $EPS = (\text{Lợi nhuận ròng} - \text{cổ tức cổ phiếu ưu đãi}) / \text{lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông}$
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
GCN/GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
GTSS	Giá trị sổ sách
GVHB	Giá vốn cung cấp dịch vụ
HĐQT	Hội đồng quản trị
KTT	Kế toán trưởng
LNG	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ $LNG = DTT \text{ từ cung cấp dịch vụ} - GVHB$
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TGD	Tổng Giám đốc
TNCN	(thuế) Thu nhập cá nhân
TNDN	(thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân
Vốn CSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
VND	Đồng Việt Nam



II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về Công ty đại chúng

- Tên công ty	: Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế
- Tên Tiếng Anh	: EVN INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ trụ sở chính	: Lô số 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại	: 0511. 6255656 Fax: 0511.3633.991
- Website	: http://www.evni.vn
- Vốn điều lệ đăng ký	: 366.771.450.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp	: 366.771.450.000 VND
- Người đại diện theo pháp luật	: Ông Trương Quang Minh
- Ngày trở thành công ty đại chúng	: 02/07/2010
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103019858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 với mã số doanh nghiệp 0102379203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/05/2016.	
- Ngành nghề kinh doanh:	

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất và truyền tải, kinh doanh mua bán điện trong và ngoài nước. Xây dựng vận hành công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia. Kinh doanh điện năng trong và ngoài nước	3510 (chính)
2	Dạy nghề Chi tiết: Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.	85322



TT	Tên ngành	Mã ngành
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
4	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng. Hoàn thiện công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp đến 500 kV). Tư vấn các hoạt động chuẩn bị sản xuất cho nhà máy điện. Giám sát thi công xây dựng. Hoàn thiện công trình thủy điện.	71109
5	Quản lý dự án. Kinh doanh lâm nghiệp, khai thác mỏ tại Campuchia. Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước. Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước. Thí nghiệm điện. Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện. Xây dựng, vận hành các công trình điện. Khai thác lâm sản, khai thác mỏ. Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng. Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất, điện. Khai thác và sản xuất đá, cát, xi măng, gạch các loại, sắt thép	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: EIC
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 36.677.145 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty: không có
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan.



Tại ngày **28/12/2016**, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 1.000 cổ phần – tương ứng 0,0027% vốn điều lệ.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 31/05/2007 Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các đối tác như Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Tập đoàn Viễn thông Quân đội, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty cổ phần XNK và XD Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình, Công ty cổ phần đầu tư Bắc Hà đã xúc tiến thành lập Công ty cổ phần EVN Campuchia (tiền thân của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế).
- Ngày 12/09/2007 Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thành lập Công ty cổ phần EVN Campuchia với số vốn điều lệ 2.400 tỷ đồng
- Ngày 01/10/2007, Công ty cổ phần EVN Campuchia được Sở Kế hoạch – Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy đăng ký kinh doanh số 0103019858 và chính thức đi vào hoạt động.
- Ngày 21/05/2008 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần EVN Quốc tế và trong tháng 09/2008 Công ty tiến hành chuyển trụ sở vào thành phố Đà Nẵng. Công ty được Sở Kế hoạch - Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số Doanh nghiệp số 0102379203 ngày 25/09/2008.
- Ngày 02/07/2010, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 2035/UBCK-QLPH.
- Ngày 22/06/2011, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán lần đầu số 43/2011/GCNCP-VSD ngày 22/06/2011, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 36.572.145 cổ phiếu.
- Ngày 01/03/2012 Công ty được VSD cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 43/2011/GCNCP-VSD-1 thay đổi lần thứ 01 do đăng ký chứng khoán bổ sung với số lượng chứng khoán đăng ký thay đổi là 36.677.145 cổ phần.
- Thực hiện Nghị Quyết của ĐHĐCĐ thường niên ngày 24/4/2016, EVNI đã thực hiện thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ Công ty theo số vốn thực góp, cụ thể: Sở Kế hoạch - Đầu tư Tp. Đà Nẵng đã cấp đổi (lần 6) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho EVNI, trong đó đã điều chỉnh vốn điều lệ về đúng bằng số vốn thực góp là 366.771.450.000 đồng vào ngày 18/5/2016.



1.4 Quá trình tăng/giảm vốn điều lệ

- Kể từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ lần nào.
- Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần tại ngày 12/09/2007 căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ là 2.400 tỷ đồng. Do đặc thù là doanh nghiệp thực hiện đầu tư dự án, vốn điều lệ 2.400 tỷ đồng được quy định góp theo tiến độ thực hiện dự án.
- Chi tiết các lần góp vốn của các cổ đông như sau:

Bảng 1: Tóm tắt quá trình góp vốn

Thời gian	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn góp thực tế (VND)	Giá trị tăng (VND)	Phương thức
Năm 2007	2.400 tỷ đồng	132.920.000.000		Thành lập mới
Năm 2008	2.400 tỷ đồng	213.191.019.400	80.271.019.400	Phát hành riêng lẻ cho 13 pháp nhân
Năm 2009	2.400 tỷ đồng	265.731.430.000	52.540.410.600	Phát hành riêng lẻ cho 18 pháp nhân và 1.787 thể nhân
Năm 2010	2.400 tỷ đồng	365.721.450.000	99.990.020.000	Phát hành riêng lẻ cho 9 pháp nhân và 50 thể nhân
Năm 2011	2.400 tỷ đồng	366.771.450.000	1.050.000.000	Phát hành riêng lẻ cho 3 pháp nhân
Năm 2016	366.771.450.000 VND	366.771.450.000	Không đổi	(*)

(*) kể từ ngày 18/05/2016 Công ty được Sở Kế hoạch - Đầu tư Tp. Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 với vốn điều lệ về đúng bằng số vốn thực góp là 366.771.450.000.

➤ Góp vốn thành lập

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/09/2007 thành lập Công ty, các cổ đông sáng lập đã tiến hành góp vốn như sau:

Bảng 2: Chi tiết góp vốn khi thành lập năm 2007

TT	Tên đầy đủ	Loại hình	Số vốn thực góp (VND)
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Pháp nhân	20.000.000.000



TT	Tên đầy đủ	Loại hình	Số vốn thực góp (VND)
2	Ngân hàng TMCP An Bình	Pháp nhân	28.800.000.000
3	Tổng Công ty Nhà nước MTV Điện lực Dầu khí Việt Nam	Pháp nhân	19.200.000.000
4	Tập đoàn Cao su Việt Nam	Pháp nhân	19.200.000.000
5	Tổng Công ty Viễn thông Quân đội	Pháp nhân	14.400.000.000
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	Pháp nhân	2.000.000.000
7	Công ty Điện lực 1	Pháp nhân	4.800.000.000
8	Công ty Điện lực 2	Pháp nhân	4.800.000.000
9	Công ty Điện lực 3	Pháp nhân	2.800.000.000
10	Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh	Pháp nhân	4.800.000.000
11	Công ty Điện lực thành phố Hà Nội	Pháp nhân	4.800.000.000
12	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	Pháp nhân	2.400.000.000
13	Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	Pháp nhân	1.200.000.000
14	CT TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	Pháp nhân	720.000.000
15	Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Pháp nhân	1.200.000.000
16	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2	Pháp nhân	720.000.000
17	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 3	Pháp nhân	720.000.000
18	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	Pháp nhân	360.000.000
Tổng cộng			132.920.000.000

➤ **Lần 1: từ 132,92 tỷ đồng lên 213,19 tỷ đồng**

- Căn cứ pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/09/2007 thành lập Công ty và theo Quyết định HĐQT số 02/NQ-EVC-HĐQT thông qua ngày 28/4/2008
- Công ty đã phát hành cổ phần cho 13 cổ đông với giá trị vốn góp tăng thêm là 80,27 tỷ đồng trong thời gian từ 27/06/2008 đến 26/12/2008.
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành là 19



Bảng 3: Chi tiết góp vốn tăng thêm năm 2008

Đơn vị tính: tỷ đồng

T	Tên đầy đủ	Loại hình	Trước	Góp	Sau khi
T			khi góp	thêm	góp
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Pháp nhân	20	31,145	51,145
2	Ngân hàng TMCP An Bình	Pháp nhân	28,8	-	28,8
3	Tổng CTCP XNK & XD Việt Nam	Pháp nhân		24	24
4	TCT NN MTV Điện lực Dầu khí Việt Nam	Pháp nhân	19,2	9,6	28,8
5	Tập đoàn Cao su Việt Nam	Pháp nhân	19,2	4,8	24
6	Tổng Công ty Viễn thông Quân đội	Pháp nhân	14,4	-	14,4
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	Pháp nhân	2	4	6
8	Công ty Điện lực 1	Pháp nhân	4,8	-	4,8
9	Công ty Điện lực 2	Pháp nhân	4,8	-	4,8
10	Công ty Điện lực 3	Pháp nhân	2,8	2	4,8
11	Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh	Pháp nhân	4,8	1,2	6
12	Công ty Điện lực thành phố Hà Nội	Pháp nhân	4,8	1,2	6
13	CT TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	Pháp nhân	2,4	-	2,4
14	CT TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	Pháp nhân	1,2	0,3	1,5
15	CT TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	Pháp nhân	0,72	0,78	1,5
16	CT TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Pháp nhân	1,2	0,3	1,5
17	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2	Pháp nhân	0,72	0,526	1,246
18	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 3	Pháp nhân	0,72	0,78	1,5
19	CT TNHH MTV Điện lực Hải Dương (*)	Pháp nhân	0,36	(0,36)	-
Tổng cộng			132,92	80,271	213,191

(*): CT TNHH MTV Điện lực Hải Dương xin thôi không tiếp tục góp vốn vào EVNI và ĐHĐCĐ năm 2008 của EVNI đã thống nhất cho phép EVN góp vốn thay cho CT TNHH MTV Điện lực Hải Dương.



➤ **Lần 2: từ 213,19 tỷ đồng lên 265,731 tỷ đồng trong năm 2009**

- Căn cứ pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/09/2007 thành lập Công ty và theo Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-EVNI-HĐQT thông qua ngày 4/2/2009;
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành là: 1.805 cổ đông
- Tổng giá trị vốn góp tăng thêm là 52.540.410.000 đồng, Trong đó:

Loại hình cổ đông	Số lượng	SLCP đã mua	Vốn góp thêm	Thời gian góp vốn
Pháp nhân	18	3.895.400	38.954.000.000	từ 02/03/2009 đến 15/12/2009
Thế nhân	1.787	1.358.641	13.586.410.000	từ 27/04/2009 đến 28/10/2009
Tổng cộng	1.805	5.254.041	52.540.410.000	

➤ **Lần 3: từ 265,731 tỷ đồng lên 365,721 tỷ đồng trong năm 2010**

- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Căn cứ pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/09/2007 thành lập Công ty và theo Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-EVNI-HĐQT thông qua ngày 15/4/2010;
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 59
- Tổng giá trị số vốn góp tăng thêm: 99.990.020.000 đồng, trong đó:

Loại hình cổ đông	Số lượng	SLCP đã mua	Vốn góp thêm	Thời gian góp vốn
Pháp nhân	9	9.960.000	99.600.000.000	từ 08/2010 đến 11/2010
Thế nhân	50	39.002	390.020.000	từ 08/2010 đến 12/2010
Tổng cộng	59	9.999.002	99.990.020.000	

➤ **Lần 4: từ 365,721 tỷ đồng lên 366,771 tỷ đồng trong năm 2011**

- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Căn cứ pháp lý:
 - + Nghị quyết số 01/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2011;
 - + Công văn số 2507/UBCK-QLPH ngày 11/08/2011 về việc nhận được đầy đủ hồ sơ chào bán cổ phần riêng lẻ của Công ty;

Loại hình cổ đông	Số lượng	SLCP đã mua	Vốn góp thêm	Thời gian góp vốn
Pháp nhân	3	105.000	1.050.000.000	Từ 08/2011 đến

				12/2011
Thẻ nhân	-	-	-	
Tổng cộng	3	105.000	1.050.000.000	

- Số lượng cổ đông sau phát hành: 1.807 cổ đông
- Tổng giá trị số vốn góp tăng thêm: 1.050.000.000 đồng

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty và cơ cấu trong tập đoàn

Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ thông qua.

❖ Trụ sở chính:

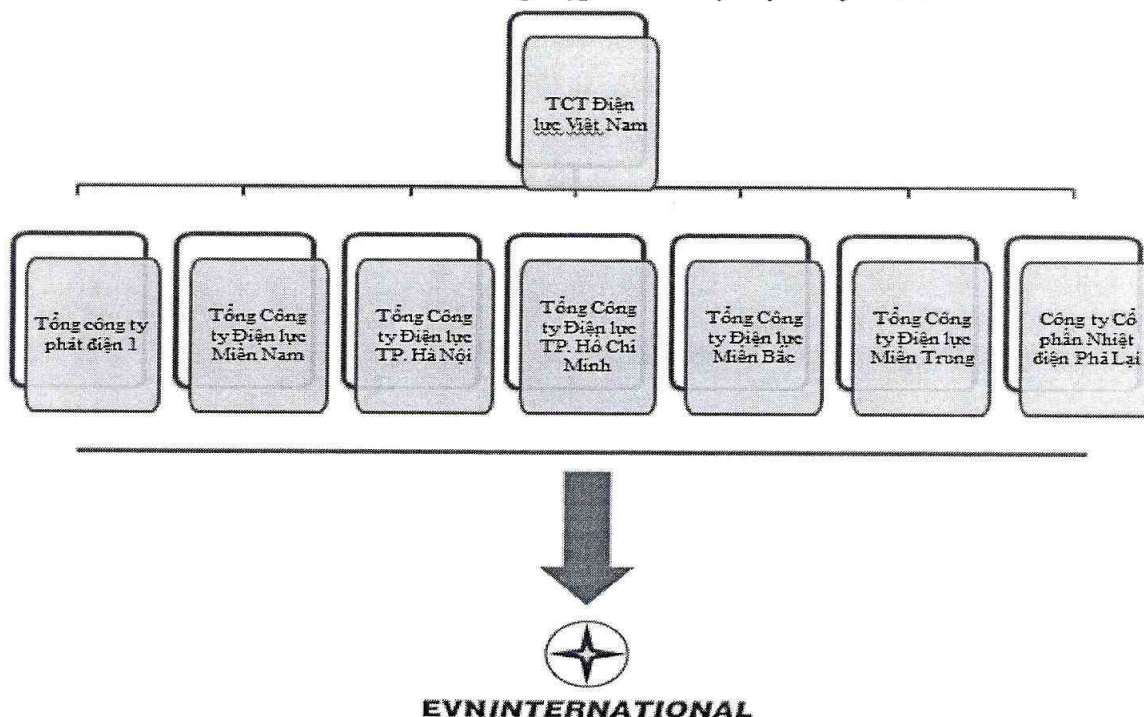
Địa chỉ: Lô số 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 6255656

Fax: 0511.3633.991

❖ Cơ cấu trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Hình 1: Cơ cấu trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam

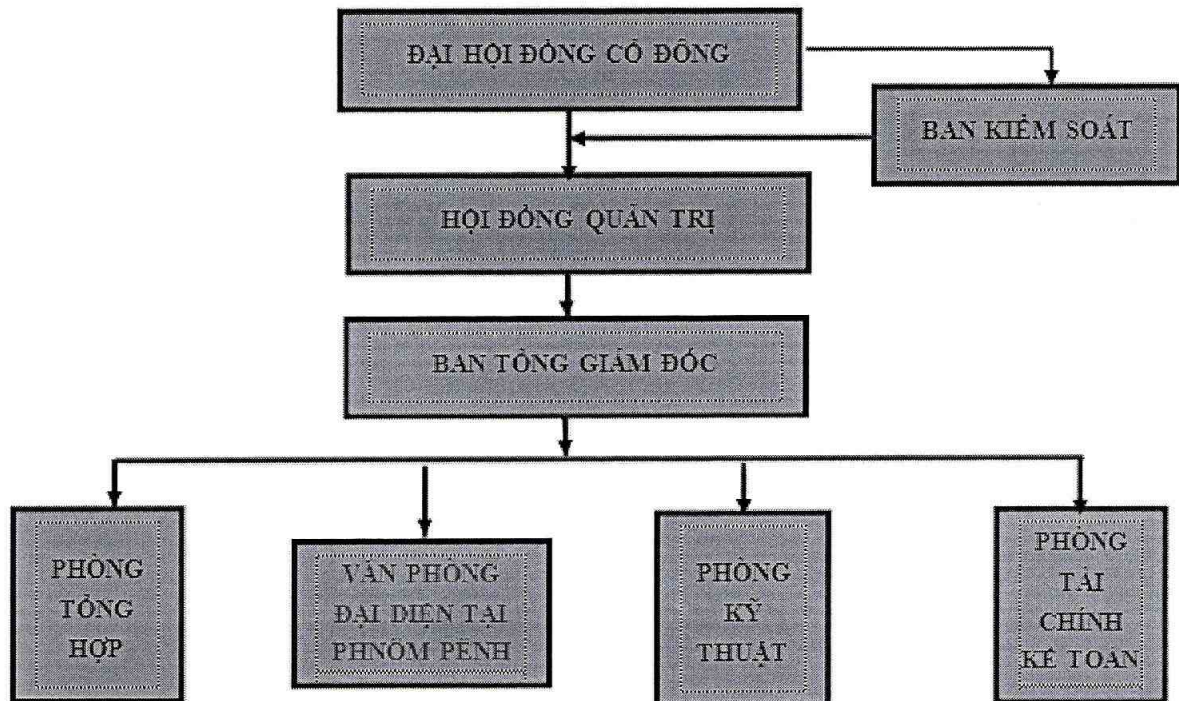




Hiện nay các cổ đông Công ty bao gồm Tổng công ty Phát điện 1, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội, Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc, Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đang nắm giữ 53,93% vốn của Công ty.

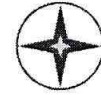
3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế hoạt động theo mô hình tổ chức công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam và quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm 3 đơn vị phòng ban, 01 văn phòng đại diện tại nước ngoài.



❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 05 thành viên, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT của Công ty bao gồm các thành viên sau:

Ông Trương Quang Minh	Chủ tịch HĐQT điều hành
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Võ Văn Thành	Thành viên HĐQT không điều hành
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Hoàng Xuân Quý	Thành viên HĐQT điều hành

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng ban
Ông Đồng Quốc Cường	Thành viên



Bà Đinh Hải Ninh

Thành viên

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, giúp việc cho Tổng Giám đốc.

Nhân sự Ban Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Ông Trương Quang Minh

Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quý

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế Toán trưởng

❖ **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng được Tổng Giám đốc đề nghị và do HĐQT bổ nhiệm. Là người giúp Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

Hiện nay ông Hoàng Xuân Quý được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng**

i. **Phòng Tổng hợp:** Tham mưu giúp Tổng Giám đốc các công tác sau:

- Công tác hành chính, quản trị.
- Công tác tổ chức, cán bộ, đào tạo.
- Công tác lao động, tiền lương.
- Công tác thanh tra, bảo vệ.
- Công tác thi đua, khen thưởng và tuyên truyền.
- Công tác lễ tân đối ngoại.
- Công tác pháp chế (liên quan đến công việc do Phòng chủ trì thực hiện).

ii. **Phòng Kỹ thuật:** Tham mưu giúp Tổng Giám đốc các công tác sau:

- Công tác quản lý kỹ thuật.
- Công tác môi trường.
- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư.
- Công tác kinh tế dự toán.
- Công tác đấu thầu, hợp đồng đầu tư xây dựng.

- Công tác an toàn và bảo hộ lao động.
- Công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng.
- Công tác hợp tác quốc tế (tổ chức báo cáo tại nước ngoài, trình duyệt và đơn đốc trình duyệt các hồ sơ dự án tại các cơ quan quản lý nhà nước tại nước tiếp nhận dự án).
- Công tác pháp chế (liên quan đến công việc do Phòng chủ trì thực hiện).

iii. Phòng tài chính kế toán: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc các công tác sau:

- Công tác chiến lược phát triển.
- Công tác kế hoạch vốn, chi phí và kế hoạch đầu tư xây dựng.
- Công tác tài chính, hạch toán kế toán.
- Công tác quản lý cổ đông.
- Công tác thanh toán, quyết toán.
- Công tác hợp tác quốc tế (liên quan đến các thỏa thuận hợp tác, thỏa thuận đầu tư).
- Công tác pháp chế (liên quan đến công việc do Phòng chủ trì thực hiện).

iv. Các văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện Công ty cổ phần EVN Quốc tế tại Phnom Penh, Vương Quốc Campuchia: Là đơn vị hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Campuchia. Nhiệm vụ chủ yếu là làm đầu mối, xúc tiến, liên hệ các công việc của EVNI tại Campuchia.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

❖ Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ Công ty tại ngày 28/12/2016

Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ Công ty

TT	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Địa chỉ	SLCP nắm giữ	% VDL
1.	Tổng Công ty Phát điện 1	5701662152	Số 11, phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	9.554.502	26,05%
2.	CTCP Nhiệt điện Phả Lại	0800296853	Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương	7.080.000	19,3%
3.	Tập đoàn công	0301266564	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,	4.320.000	11,78%



TT	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Địa chỉ	SLCP nắm giữ	% VĐL
	nghiệp cao su VN		Quận 3, TP.HCM		
4.	NH TMCP An Bình	0301412222	170 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q.1, Tp.HCM	3.780.000	10,31%
5.	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	0102276173	Tòa nhà VPI, 173 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội	2.880.000	7,85%
6.	TCT CP XNK và Xây dựng VN	0100105616	Tòa nhà VINACONEX- 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	2.400.000	6,54%
TỔNG CỘNG				30.014.512	81,83%

Nguồn: Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

❖ **Cổ đông sáng lập**

Căn cứ quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014: “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp GCNĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ”, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế đăng ký lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12/09/2005, do đó tính đến thời điểm hiện tại (16/12/2016), cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

❖ **Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/12/2016**

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/12/2016

TT	Cổ đông	SLCP	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
	Cổ đông trong nước				



TT	Cổ đông	SLCP	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Tổ chức	35.133.288	351.332.880.000	95,8%	19
2	Cá nhân	1.542.857	15.428.570.000	4,2%	1.882
Cổ đông nước ngoài:					
3	Tổ chức	-	-	-	-
4	Cá nhân	1.000	10.000.000	0,003%	1
Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-
Tổng cộng		36.677.145	366.771.450.000	100%	1.902

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 28/12/2016 của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

- 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng**

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế không có công ty mẹ, công ty con và Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc nắm giữ cổ phần chi phối đối với bất cứ công ty nào.

6. Hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần EVN Quốc tế hoạt động theo mô hình công ty mẹ công ty con. Công ty mẹ là công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, thực hiện đầu tư các dự năng lượng tại nước ngoài, chủ yếu là tại Campuchia và Lào. Đối với mỗi dự án, Công ty sẽ thành lập các công ty con với sự tham gia góp vốn của các đối tác trong và ngoài nước, để trực tiếp thực hiện đầu tư và điều hành dự án.

6.1 Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế có hoạt động chính là đầu tư xây dựng, vận hành và cung cấp điện ra thị trường của ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia. Hiện nay hoạt động kinh doanh chính của EVN Quốc tế là theo dõi, quản lý phần vốn đã góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (sở hữu 10%).

- ❖ **Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 do Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (tiền thân là Công ty TNHH Thủy điện Campuchia – Việt Nam) vận hành và quản lý tại tỉnh Stung Treng - Vương quốc Campuchia. Dự án có công suất 400MW và điện lượng**



trung bình năm là 1.953,9 triệu kWh. Tổng mức đầu tư dự án là 978 triệu USD.
Thông tin chung về Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 như sau:

Tên công ty: Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2

Địa chỉ: 246 Monivong Boulevard, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun, Phnom Penh

Điện thoại : +855 23 881 981

Giấy CNĐKDN: số 2955E/2011 do Campuchia cấp ngày 16/12/2011 (sửa đổi lần thứ 3 ngày 21/02/2013)

Vốn điều lệ : 1.000.000 USD (Một triệu USD)

Giá trị vốn góp : 231,14 tỷ đồng (tính theo mệnh giá)

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/06/2016: 10% vốn chủ sở hữu

Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý và vận hành Thủy điện Hạ Sê San

Tại ngày 31/12/2015, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 (do Công ty Kiểm toán Pricewaterhouse Coopers Campuchia) của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2015 (USD)
Tổng tài sản	347.893.492
Tổng nợ phải trả	215.680.066
Vốn chủ sở hữu do cổ đông góp	132.213.426
<i>Vốn cổ phần</i>	<i>1.000.000</i>
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>121.063.200</i>
<i>Dự trữ pháp định</i>	<i>100.000</i>
<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>10.050.226</i>

Nguồn: EVN Quốc tế



❖ **Doanh thu EVN Quốc tế trong những năm qua như sau:**

Bảng 6: Doanh thu Công ty giai đoạn 2014 – 2016

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	% A	Giá trị	% A	Giá trị	% A
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (A)	1.789		2.559		2.122	
Dịch vụ Tư vấn giám sát	698	39%	1.675	65,5%	960	45,2%
Dịch vụ Tư vấn Quản lý dự án	-		(207)	N/A	-	-
Cho thuê văn phòng	1.091	61%	1.091	42,63%	1.162	54,8%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015; BCTC quý IV năm 2016 của EVN Quốc tế

6.2 Chi phí sản xuất kinh doanh

Bảng 7: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh từ năm 2014 đến năm 2016

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	% A	Giá trị	% A	Giá trị	% A
Tổng doanh thu (A) (gồm doanh thu tài chính)	8.059		8.536		7.898	
Giá vốn hàng bán	1.187	14,73%	2.260	26,48%	1.420	17,98%
Chi phí QLDN	5.338	66,24%	5.443	63,77%	5.240	66,34%
Chi phí khác	-	-	246	2,88%	-	-
Tổng chi phí	6.525	80,97	7.949	93,12	6.660	84,32%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015; BCTC quý IV năm 2016 của EVN Quốc tế

Trong giai đoạn hiện nay doanh thu chính của Công ty từ các cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát, quản lý dự án hoặc cho thuê văn phòng. Do đó chi phí chủ yếu là chi phí lao động, chi phí khấu hao tài sản cố định và các chi phí quản lý doanh nghiệp như tiền điện, nước...



Bảng 8: Cơ cấu chi phí kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	% tổng	Giá trị	% tổng	Giá trị	% tổng
Chi phí nguyên vật liệu	522	6,7%	273	3,5%	107	1,55%
Chi phí nhân công	3.536	45,4%	3.272	41,9%	3.005	43,57%
Chi phí khấu hao tài sản	803	10,3%	803	10,3%	355	5,15%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	734	9,4%	819	10,5%	500	7,25%
Chi phí khác bằng tiền	2.188	28,1%	2.648	33,9%	2.930	42,48%
Tổng chi phí	7.783	100%	7.815	100%	6.897	100%

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu tài chính EVN Quốc tế

6.3 Nguyên vật liệu

Chi phí nguyên vật liệu chiếm phần nhỏ trong tổng chi phí kinh doanh của Công ty.

6.4 Trình độ công nghệ

Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 là một dự án thủy lợi toàn diện và mục tiêu chính dự án là phát điện. Hồ sơ được thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiêu chuẩn kỹ thuật điện của Vương quốc Campuchia. Tiêu chuẩn thiết kế chính áp dụng cho dự án là TCXDVN285: 2002 - Quy định cơ bản về thiết kế của công trình thủy lợi và thủy điện.

Với khả năng cung cấp rộng rãi thiết bị có chất lượng và tính cạnh tranh cao của các nhà cung cấp đã cho phép thiết kế phần công nghệ của công trình với mức độ hiện đại, tiên tiến phù hợp với trình độ phát triển của thế giới, để đảm bảo những yêu cầu cơ bản như: Sản xuất điện ổn định, tin cậy với chất lượng cao theo yêu cầu của hệ thống điện quốc gia với điều kiện vận hành linh hoạt nhất;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối với công trình và vùng dân sinh kinh tế phía hạ lưu;
- Vận hành với mức độ tự động hóa cao nhất, phù hợp với trình độ phát triển điều khiển kỹ thuật số hiện nay;
- Cơ giới hóa công tác sửa chữa, tạo điều kiện tốt nhất đối với công tác vận hành, tối thiểu hóa chi phí vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa;
- Loại trừ hoặc giảm đến mức tối thiểu tác động xấu của thiết bị công nghệ tới con người và môi trường trong quá trình sản xuất.



Ngoài ra Công ty đã đạt được Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

6.5 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

Hệ thống nhãn hiệu EVN đã được đăng ký bảo hộ và thuộc quyền sở hữu trí tuệ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế được góp vốn từ các đơn vị thành viên của EVN. Để tạo điều kiện cho Công ty nâng cao được thương hiệu và lợi thế cạnh tranh trên thị trường, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có cho phép Công ty được sử dụng nhãn hiệu EVN và ứng dụng Hồ sơ Nhãn hiệu EVN (theo Quyết định số 609/QĐ-EVN ngày 03/12/2009 của Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam) tại Công ty theo mẫu sau:



EVNINTERNATIONAL



7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 2014 đến 2016

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh từ 2014 đến 2016

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng tài sản	426.366	411.800	-3,42%	408.083	-0,90%
Vốn CSH	374.277	374.566	0,08%	375.517	0,25%
Doanh thu thuần	1.789	2.559	43,04%	2.122	-17,08%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.533	829	-45,92%	1.239	49,46%
Lợi nhuận khác	11	(235)	-2236,36%	14	105,96%
LNTT	1.543	594	-61,50%	1.254	111,11%
LNST	1.228	360	-70,68%	951	164,17%
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	10.204	10.212	0,08%	10.238	0,25%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và BCTC Quý IV năm 2016 của EVNI

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không có nhiều đột biến kể từ năm 2014 trở lại đây. Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi ngân hàng. Các hoạt động khác như tư vấn giám sát hay tư vấn quản lý dự án không tạo ra doanh thu lớn cho Công ty. Doanh thu thuần năm 2016 mặc dù thấp hơn 17% so với năm 2015 nhưng lợi nhuận thuần từ HĐKD lại cao hơn 48% so với cùng năm 2015. Do đó lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng lên 942 triệu, cao hơn 161% so với năm 2015.

❖ **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với một số khoản mục trên báo cáo kiểm toán tài chính năm 2015 như sau :**

- Công ty ghi nhận giá trị vốn góp đầu tư vào Công ty TNHH Thủy Điện Hạ Sê San 2 theo chi phí thực tế phát sinh của dự án (số tiền 231.146.788.190 tỷ đồng) trong khi các cổ đông sáng lập của Công ty Thủy điện Hạ Sê San 2 thừa nhận phần vốn góp là giá trị mà Công ty đã thực hiện cho dự án tương ứng với 10% vốn chủ sở hữu của dự án. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể xem xét được phần vốn góp tương ứng với 10% vốn chủ sở hữu có giá trị là bao nhiêu. Do đó, chúng tôi không



đưa ra ý kiến về giá trị ghi nhận khoản đầu tư này cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trong Báo cáo tài chính. Mặt khác, chênh lệch tỷ giá phát sinh liên quan trực tiếp đến công trình thủy điện Hạ Sê San 2 đến thời điểm 31/12/2015 (số tiền 766.890.760 đồng) hiện còn theo dõi tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (mã số 417) mà chưa được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

- Như đã trình bày tại điểm (a), (b) của Thuyết minh số 29, biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi (MoU) của dự án thủy điện SeKong tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không tiếp tục được gia hạn. Tuy nhiên, giá trị đầu tư thực tế của các dự án tính đến thời điểm 31/12/2015 là 15.888.141.751 đồng (Dự án thủy điện SeKong: 8.720.911.108 đồng; Dự án thủy điện Nậm Mô 1: 7.167.230.643 đồng) vẫn còn phản ánh tại khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” số tiền: 15.209.162.069 đồng và khoản mục “Thuế GTGT được khấu trừ”, số tiền: 678.979.682 đồng. Hiện nay, Công ty đang đề nghị chính phủ Lào cho phép ký hợp đồng phát triển dự án (PDA) mà không cần gia hạn MoU để tiếp tục thực hiện dự án Nậm Mô 1. Ban Tổng Giám Đốc Công ty cũng đang tìm kiếm các đối tác để cùng hợp tác hoặc chuyển giao dự án thủy điện SeKong và Nậm Mô 1. Do đó, việc Công ty có thu hồi được các khoản chi phí đã đầu tư hay không còn tùy thuộc vào kết quả của quá trình đàm phán, hợp tác hoặc chuyển giao 2 dự án nêu trên.
- Như đã trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 7, chi phí tư vấn lập đề án “Kết nối lưới điện Việt Nam – Lào – Campuchia giai đoạn đến 2015 có xét triển vọng đến năm 2025” hiện được theo dõi với nội dung “Chi chờ xử lý” tại khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” trên Bảng cân đối kế toán (số tiền: 784.500.000 đồng). Đây là giá trị quyết toán phải trả cho Viện Năng lượng về việc giao thầu tư vấn lập đề án. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định dừng triển khai đề án và giao cho Ban Điều hành đàm phán với Viện Năng lượng để giảm giá trị quyết toán trước khi có quyết định xử lý vào chi phí.
- Vấn đề nhấn mạnh: Thuyết minh số 18a, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 21/01/2015, Công ty đăng ký vốn điều lệ là 2.400.000.000.000 đồng; tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2015, vốn thực góp của công ty là 366.711.459.148 đồng



8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế có hoạt động chính là tham gia các dự án đầu tư điện tại Lào và Campuchia, tạo điều kiện để Ngành điện Việt Nam trở thành đối tác của Tổng Công ty Điện lực Lào và Tổng Công ty Điện lực Campuchia, đồng thời có thể hỗ trợ nước bạn trong vận hành nhà máy điện, quản lý hệ thống điện quốc gia và thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác đặc biệt giữa 3 nước.

Các dự án do EVNI nghiên cứu đầu tư:

➤ *Các dự án tại Vương quốc Campuchia:*

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (tỉnh Stung Treng Vương quốc Campuchia): Công suất: 400MW; Điện lượng trung bình năm: 1.998,4 triệu kWh.
- Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 (biên giới Campuchia và Việt Nam): Công suất: 96MW; Điện lượng trung bình năm: 485,0 triệu kWh.
- Dự án thủy điện SeKong: Tại tỉnh Stung Treng Vương quốc Campuchia; Công suất dự kiến khoảng 190MW, điện lượng trung bình năm: 766,85 triệu kWh.

➤ *Các dự án tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào:*

- Dự án thủy điện Nậm Mô 1: Công suất: 55MW; Điện lượng trung bình năm khoảng: 222 triệu kWh.

❖ Triển vọng phát triển của ngành

➤ *Về nhu cầu:*

Ngành điện hiện nay vẫn đang là ngành có nhu cầu lớn hơn khả năng sản xuất trong nước. Tốc độ tăng trưởng điện phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Trong giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng GDP được dự báo ở mức 6,7-7%/năm thì nhu cầu tiêu thụ điện nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng mạnh. Đặc biệt trong giai đoạn này, GDP tăng trưởng chủ yếu nhờ vào sự phát triển của lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, trong khi lĩnh vực này chiếm tỷ trọng trên 50% tổng mức tiêu thụ điện năng của cả nước. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ điện hộ gia đình cũng sẽ gia tăng, một mặt nhờ đà phục hồi của nền kinh tế, mặt khác là mạng lưới truyền tải điện được nâng cấp và mở rộng, với tỷ trọng chiếm khoảng trên 40%.

➤ *Về triển vọng điều chỉnh giá bán:*



Theo Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29/5/2014 quy định về thực hiện giá điện và Quyết định số 4887/QĐ-BCT ngày 30/5/2014 quy định về giá bán điện của Bộ Công Thương, giá bán lẻ điện của Việt Nam từ ngày 1/6/2014 ở mức bình quân 1.508,85 đồng/kWh (chưa có VAT) (tương đương 7,1 cent/kWh) hiện đang thấp hơn so với khu vực (bình quân trên 10 cents/kWh). Do đó, trong tương lai giá bán điện có khả năng sẽ được Chính phủ cho phép tăng nhằm mục tiêu chuẩn bị cho quá trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh và khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực.

➤ *Về mức độ tham gia ngành và triển vọng xây dựng thị trường điện cạnh tranh:*

Với đặc thù của ngành sản xuất điện, chi phí đầu tư và vận hành các nhà máy sản xuất điện khá lớn nhưng giá điện thương phẩm hiện đang bị kiểm soát đầu ra và mức giá bán điện thương phẩm còn khá thấp nên rào cản gia nhập thị trường cao. Do đó, đối tượng tham gia thị trường sản xuất điện tại Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng Công ty/ Tập đoàn công nghiệp nặng khác. Việc đầu tư vào ngành điện gần đây được khuyến khích và hỗ trợ rất nhiều từ Chính phủ với phương án cụ thể như: hỗ trợ nguồn vốn vay có lãi suất thấp từ các tổ chức quốc tế, hỗ trợ từ chính sách thuế và đầu tư, hỗ trợ giá nguyên liệu đầu vào, và điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố sống còn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

Bảng 10: Cơ cấu lao động trong công ty tại 31/12/2016

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ		100
- Thạc Sĩ	02	11,7
- Đại học	14	82,3
- Công nhân chuyên nghiệp	01	6,0



Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo giới tính	17	100%
- Nam	11	65
- Nữ	06	35

Nguồn: Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

Mức lương bình quân toàn Công ty qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Số tiền (triệu đồng/người/tháng)	11,05	11,05	11,05

9.2 Chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 8h/ngày và không quá 48 h/tuần,
- Ngày làm việc từ 7h30' đến 11h30 và 13h đến 17h00
- Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.
- Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng qui định của nhà nước
- Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt

❖ Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng cố định còn được thưởng căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp. Hàng năm Công ty đều tổ chức đánh giá định kỳ năng lực, khả năng hoàn thành công việc của cán bộ nhân viên để thực hiện nâng lương, thưởng, khuyến khích mọi thành viên nỗ lực phấn đấu trong công việc.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến trong hoạt động đem lại hiệu quả kinh doanh cao.



Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh Công ty.

❖ **Chính sách tuyển dụng và đào tạo**

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- Hỗ trợ kinh phí đào tạo trong và ngoài nước cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật.
- Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức của Công ty được thực hiện căn cứ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và được Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Theo đó:

- Công ty chỉ thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Cổ đông được chia cổ tức căn cứ theo phần vốn góp tại Công ty. Tỷ lệ chi trả cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ trên đề xuất của Hội đồng quản trị và căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm tiếp theo.

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức do tình hình sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn do khoản đầu tư chính vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2 chưa đem lại lợi ích. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2015 chỉ có 7,02 tỷ đồng, nếu thực hiện chi trả cổ tức sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình cân bằng tài chính của Công ty.



11. Tình hình tài chính của Công ty

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình ghi nhận theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại theo quy định.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Bảng 11: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản

Tài sản	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

Nguồn: Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm báo cáo, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và được ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Tại 31/12/2015 và đến 31/12/2016 số dư các quỹ của Công ty bằng 0.



❖ **Tổng dư nợ vay**

Theo BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC Quý IV năm 2016 thì số dư nợ vay của Công ty tại 31/12/2014, 31/12/2015 và 31/12/2016 bằng 0.

❖ **Hàng tồn kho**

Bảng 12: Hàng tồn kho của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Hàng tồn kho	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
Chi phí SX KDDD	1.499	1.610	2.394

Nguồn: BCTC kiểm toán năm năm 2015; BCTC Quý IV năm 2016 của EVNI

Đây là các chi phí đang thực hiện cho các dịch vụ tư vấn giám sát gói thầu và tư vấn lập quản lý dự án của Công ty.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

➤ **Các khoản phải thu**

Đơn vị: triệu đồng

Các chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
Phải thu ngắn hạn	18.110	5.202	8.400
Phải thu khách hàng	88	-	351
Các khoản phải thu khác	18.022	5.202	8.049
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng các khoản phải thu	18.110	5.202	8.400

Nguồn: BCTC kiểm toán năm năm 2015; BCTC Quý IV năm 2016 của EVNI

➤ **Các khoản phải trả**

Đơn vị: triệu đồng

Các chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
Nợ ngắn hạn	52.088	37.235	32.388



Các chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
Phải trả cho người bán	50.845	36.056	31.466
Người mua trả tiền trước	418	534	427
Thuế và các khoản phải nộp NN	96	-	87
Phải trả người lao động	717	630	577
Chi phí phải trả	12	15	9
Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng nợ phải trả	52.088	37.235	32.566

Nguồn: BCTC kiểm toán năm năm 2015; BCTC Quý IV năm 2016 của EVNI

Các khoản nợ phải trả của Công ty phần lớn là các khoản phải trả cho các đơn vị tư vấn thực hiện tư vấn các dự án thủy điện của Công ty như dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và dự án thủy điện Sê San 1/ Sê San 5

❖ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua các năm được trình bày qua bảng dưới đây

Bảng 13: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	1,36	1,51	2,86
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn	lần	1,33	1,47	2,78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,12	0,09	0,08
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,14	0,10	0,09
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,79	1,45	0,73
+ Doanh thu thuần/tổng tài sản	lần	0,01	0,01	0,01



Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	68,64%	14,05%	44,81%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	0,33%	0,10%	0,25%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,29%	0,09%	0,23%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	85,7%	32,4%	58,40%

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC quý IV năm 2016 của EVNI

12. Tài sản (những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu Công ty)

Bảng 14: Tài sản cố định tại ngày 31/12/2015 và tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015			31/12/2016		
	Nguyên giá (A)	Giá trị còn lại (B)	% B/A	Nguyên giá (A)	Giá trị còn lại (B)	% B/A
I. Tài sản cố định hữu hình						
Nhà cửa, vật kiến trúc	9.468	8.239	87,0%	9.468	7.908	83,5%
Máy móc và thiết bị	297	181	60,9%	297	152	51,2%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.342	225	6,7%	3.342	-	0,0%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	436	26	6,0%	436	7	1,6%
Tổng TSCĐ hữu hình	13.543	8.671	64,02%	13.543	8.067	59,56%
II. Tài sản cố định vô hình						
Quyền sử	38.136	38.136	100,0%	38.136	38.136	100,0%



Chỉ tiêu	31/12/2015			31/12/2016		
	Nguyên giá (A)	Giá trị còn lại (B)	% B/A	Nguyên giá (A)	Giá trị còn lại (B)	% B/A
dụng đất						
Phần mềm máy vi tính	38	-	0,0%	38	-	0,0%
Tổng TSCĐ vô hình	38.174	38.136	99,9%	38.174	38.136	99,9%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC Quý IV năm 2016 - EVNI

Bảng 15: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 31/12/2015 và 31/12/2016

TT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016
1	Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	22.469	22.469
2	Dự án thủy điện Sekong	8.287	8.287
3	Dự án thủy điện Nậm Mô 1	6.922	6.922
	Tổng cộng	37.678	37.678

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC Quý IV năm 2016 - EVNI

Bảng 16: Danh mục tài sản đất đai Công ty hiện đang quản lý, sử dụng như sau:

TT	Địa chỉ	DT (m2)	Mục đích SD	Thời hạn SD	Căn cứ pháp lý
1	Lô 91, XVNT, P. Khuê Trung, Q.Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng	2.542,4	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Lâu dài	GCNQSĐĐ số BE 572292 do UBND Tp. Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2011

Nguồn: Công ty Cổ phần EVN Quốc tế



13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và các năm trước cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2017 với các chỉ tiêu như sau:

Bảng 17: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016 – 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015 (A)	Năm 2016				Năm 2017	
			Kế hoạch (B)	% tăng giảm so với A	Thực hiện so với B (C)	(lần)	Kế hoạch	% tăng giảm so với C
1.	VĐL	366.771	366.771	0,0%	366.771	-	366.771	0%
2.	DTT	2.559	7.360,9	187,6%	2.122	0,29	9.350,7	341%
3.	LNST	359,5	450	25,2%	951	2,11	650	-31%
4.	Tỷ lệ LNST/ DTT	14,04%	6,11%		44,81%		6,95%	-
5.	Tỷ lệ LNST/ VĐL	0,098%	0,122%		0,26%	-	0,18%	-

Nguồn: Kế hoạch năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 22/04/2016 thông qua; BCTC quý IV năm 2016 của EVNI; Kế hoạch năm 2017 do Ban điều hành Công ty xây dựng sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua.

Kế hoạch kinh doanh của Công ty trong các năm tiếp theo được xây dựng trên cơ sở thận trọng và tin cậy, đảm bảo khả năng thực hiện cao.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra, các biện pháp Công ty đưa ra là:

- Giao ban điều hành quản lý hoạt động của Công ty, đảm bảo nguyên tắc tổng chi phí hoạt động không được vượt quá tổng các khoản thu, Bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại.
- Giao Ban điều hành Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển



hoặc chuyển giao các dự án thủy điện Sê Kông và Nậm Mô 1.

- Giao ban điều hành chủ động tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)

Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC thực hiện đã nêu:

Theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025 và Quyết định số 1028/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030. Căn cứ theo Công văn số 5239/CV-EVN-TCCB&ĐT ngày 04/10/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thì công tác quản lý dự án các công trình dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5, Hạ Sê San 2 và lưới điện đồng bộ tại Campuchia được giao cho Công ty Cổ Phần EVN Campuchia (nay là Công ty Cổ phần EVN Quốc tế- EVNI) tiếp tục thực hiện công tác quản lý dự án, đầu tư xây dựng. Quá trình thực hiện các dự án này đến 30/0/2016 được tóm tắt như sau:

- ❖ Biên Bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi của dự án (sau đây gọi tắt là “MoU”) của dự án thủy điện Hạ Sê San I/ Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia đã hết hiệu lực vào ngày 30/06/2016. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5 là 24.258.325.211 đồng. Ngày 16/06/2016, EVNI đã có công văn số 115/CV-EVNI-TH gửi Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn nghiên cứu khả thi của dự án đến ngày 30/06/2018. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, phía Campuchia vẫn chưa có văn bản chấp thuận gia hạn MoU này.
- ❖ Đối với Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và đường dây đầu nối: Theo Biên Bản làm việc ngày 28/8/2012, biên bản thỏa thuận ngày 05/11/2012 giữa EVNI, Công ty TNHH Royal Group và Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (là pháp nhân do 2 bên góp vốn thành lập để thực hiện đầu tư và phát triển dự án thủy điện Hạ Sê San 2, gọi tắt là công trình dự án), các bên đã chấp thuận EVNI tham gia 10% vốn chủ sở hữu trong dự án thủy điện Hạ Sê San 2 cũng như trong công ty dự án (tỷ lệ 10% này là cố định với mọi sự tăng, giảm của tổng mức đầu tư và/hoặc vốn chủ sở hữu thực hiện của dự án và/hoặc Công ty dự án



à không thay đổi trong toàn bộ vòng đời của công ty dự án). Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà EVNI đã thực hiện cho dự án. Theo đó, EVNI phải chuyển giao tất cả các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của dự án cho công ty dự án. Ngày 5/11/2012, EVNI đã bàn giao tất cả các tài liệu nêu trên cho Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2.

- ❖ Đại hội đồng cổ đông EVNI cũng đã có nghị quyết số 03/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 09/11/2012 thống nhất điều chỉnh giảm tỷ lệ góp vốn thực hiện dự án thủy điện Hạ Sê San 2 từ 51% xuống 10% vốn chủ sở hữu của dự án. Ngày 30/8/2013, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ thông qua quyết toán chi phí thực hiện dự án thủy điện Hạ Sê San 2 với số tiền 231.146.788.190 đồng.
 - ❖ Căn cứ thỏa thuận giữa EVNI, Công ty TNHH Royal Group và Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 về việc công nhận 10% vốn của Công ty trong Công ty Dự án, căn cứ hồ sơ chuyển giao tất cả các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của dự án cho công ty dự án, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ thỏa thuận đối với Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2, do đó, Công ty đã sở hữu 10% vốn chủ sở hữu tại Công ty TNHH Hạ Sê San 2. Giá trị góp vốn vào Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 hiện ghi nhận bằng giá trị chi phí thực hiện của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 đã được Đại hội cổ đông phê duyệt là 231.146.788.190 đồng.
 - ❖ Ngày 22/01/2014, Công ty TNHH Hydrolancang International Energy Cayman (HIEC), Công ty TNHH Royal Group (RG) và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) đã ký thỏa thuận cổ đông của Công ty TNHH Hạ Sê San 2. Thỏa thuận cổ đông xác nhận rằng EVNI đã đóng góp số vốn tương ứng 10% vốn chủ sở hữu của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 vào ngày của thỏa thuận này. Vốn chủ sở hữu sẽ bao gồm khoản vốn góp trong quá khứ của EVNI và RG và khoản vốn góp trong tương lai của HIEC và RG. HIEC và RG sẽ góp vốn chủ sở hữu trong tương lai dựa trên giá trị mỗi cổ phần là 1.000 USD theo quy định của Điều lệ công ty.
- Do các cổ đông RG và HIEC đang thực hiện góp vốn chủ sở hữu theo tiến độ của dự án nên đến thời điểm 30/06/2016, các bên chưa xác định được giá trị vốn chủ sở hữu cuối cùng của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (cũng là giá trị vốn chủ sở hữu cuối cùng của



Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2), để từ đó xác định giá trị vốn góp của EVNI trong Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2.

❖ Ngoài ra, EVNI đã triển khai nghiên cứu dự án thủy điện Sê Kong tại Vương Quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô I tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Quá trình triển khai nghiên cứu khả thi các dự án này đến 30/06/2016 được tóm tắt như sau:

- Dự án thủy điện Sê Kông: Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-EVN-HĐQT EVNI ngày 21/04/2013 của Hội đồng quản trị về việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn tương ứng với giá trị bỏ ra (tương tự dự án Hạ Sê San 2), tháng 10/2014, Công ty đã làm việc với World Harvest Trading Ltd (đơn vị tư vấn). Hai bên thống nhất sẽ thỏa thuận liên doanh với Royal Group để thành lập công ty dự án sau khi thủy điện Hạ Sê San 2 khởi công (quá 1/2015).

MoU của dự án thủy điện Sê Kông tại Vương quốc Campuchia hết hiệu lực vào ngày 30/06/2013. Ngày 21/05/2013, EVNI đã có công văn số 21/CV-EVNI-HTQT gửi Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng (MIME) thuộc vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2014. Ngày 10/09/2013, MIME đã có công văn số 2335 MIME về việc không tiếp tục gia hạn MoU trên cho dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường, xã hội và nguồn cá trong khu vực. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện SeeKong là 8.720.911.108 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 8.287.575.321 đồng, VAT tương ứng là 433.335.787 đồng).

- MoU (gia hạn lần cuối) của dự án thủy điện Nậm Mô 1 hết hiệu lực vào ngày 04/06/2013. Ngày 05/03/2013, EVNI đã có công văn công số 16/CV-EVNI-KT gửi Bộ Năng lượng và Mỏ của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đề nghị gia hạn MoU đến tháng 12 năm 2013. Tháng 11/2012, Bộ Năng lượng và Mỏ (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào) có văn bản số 3009/MPI.IPD4 phúc đáp EVNI về việc không tiếp tục gia hạn MoU. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Nậm Mô 1 là 7.167.230.43 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 6.921.586.748 đồng, VAT tương ứng là 245.643.895 đồng).

Xét thấy nguyên nhân dự án không được tiếp tục gia hạn là do Bộ Năng lượng và Mỏ của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào chậm xem xét Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo nghiên cứu khả thi được Công ty nộp lên Bộ Năng lượng và Mỏ tháng 11/2012 nhưng đến tháng 5/2013 phía Lào mới tổ chức họp và sơ bộ thông qua), Công ty đã báo cáo Đại sứ quán Việt Nam tại Lào để được hỗ trợ cũng như có các công văn đề nghị Bộ Năng lượng và Mỏ tiếp tục cho phép Công ty được gia hạn MoU hoặc được thực hiện



giai đoạn kế tiếp là ký PDA (Hợp đồng phát triển dự án) mà không cần gia hạn MoU. Cho đến nay, Công ty chưa nhận được phản hồi từ phía Chính phủ Lào. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 04/NQ-EVN-HĐQT EVNI ngày 07/9/2013, giao cho Ban điều hành tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư hoặc chuyển giao dự án để thu hồi phần chi phí dự án bỏ ra.

15. Chiến lược định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Do EVNI đang trong quá trình tái cơ cấu với nhiệm vụ trọng tâm là quản lý phần vốn đã góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và tiếp tục thực hiện thủ tục cho các dự án thủy điện tại Campuchia và Lào đang còn hiệu lực, nên các công tác chủ yếu năm 2017 như sau:

❖ Về kế hoạch thực hiện các dự án:**➤ Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2:**

- Thực hiện các thủ tục pháp lý, quản lý phần vốn đã góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2 tại Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2.
- Phối hợp với các thành viên HĐQT và các cổ đông khác giám sát các hoạt động, đôn đốc Ban điều hành Công ty dự án hoàn thành kế hoạch năm 2017, đáp ứng mục tiêu tiến độ tổng thể dự án: phát điện tổ máy 1 tháng 12/2017, hoàn thành 7 tổ máy còn lại 12/2018 và đưa vào vận hành thương mại.

➤ Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5

Làm việc với Bộ Mỏ và Năng lượng Campuchia thực hiện các thủ tục để duy trì hiệu lực MOU của dự án;

➤ Dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia)

- Tiếp tục làm việc với phía Campuchia để hỗ trợ các thủ tục hợp tác đầu tư hoặc tham gia góp vốn đối với dự án thủy điện Sê Kông tương ứng với giá trị EVNI đã bỏ ra (tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2) trong trường hợp chính phủ Campuchia giao Nhà đầu tư khác thực hiện.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển hoặc chuyển giao dự án.

➤ Dự án thủy điện Nậm Mô 1 (Lào):

Tiếp tục tìm kiếm và giữ liên hệ các nhà đầu tư, các đối tác có quan tâm việc chuyển nhượng, góp vốn thực hiện dự án Nậm Mô 1 trên nguyên tắc bảo toàn vốn của Công ty.

❖ Công tác tư vấn quản lý dự án và Tư vấn giám sát:



➤ **Công tác Tư vấn QLDA**

- Dự án Điện gió Bến Tre: (i) Hoàn thành lựa chọn nhà thầu tư vấn; (ii) Hoàn thành công tác đo gió và lập Báo cáo Tiềm khả thi của dự án.
- Dự án điện mặt trời tại công trình thủy điện Đồng Nai 4: (i) Hoàn thành lựa chọn nhà thầu tư vấn; (ii) Hoàn thành bổ sung quy hoạch và thủ tục cấp Quyết định chủ trương đầu tư của Tỉnh Đắk Nông; (iii) Triển khai công tác đo bắc xạ mặt trời và lập Báo cáo Tiềm khả thi của dự án.

➤ **Công tác TVGS:**

- Bố trí cán bộ tham gia giám sát tại công trường phù hợp với tiến độ xây lắp; Hoàn thành công tác TVGS các gói thầu: (i) Lưới điện 220kV đấu nối nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông; (ii) Nâng công suất, thay MBA 110kV TBA 220kV Hòa Khánh & Quận 3; (iii) Nạo vét kênh tuần hoàn Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Hoàn thành nghiệm thu Quyết toán các gói thầu tư vấn giám sát: (i) gói thầu số 5&7 thuộc dự án cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Duyên Hải; (ii) Nâng công suất TBA 220kV Hòa Khánh.
- Triển khai công tác đấu thầu Tư vấn giám sát các công trình đường dây và trạm biến áp để triển khai thực hiện trong năm 2017 và gói đầu công việc năm 2018. Tổng giá trị đấu thầu đạt 3 tỷ đồng.

❖ **Các công tác khác:**

- Thực hiện dịch vụ cho thuê văn phòng: Công ty tiếp tục thực hiện cho thuê văn phòng với Công ty cổ phần Thủy điện A Vương đến tháng 10/2017 theo hợp đồng.
- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2017.
- Hoàn thành các thủ tục đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có

17. Ý kiến của tổ chức tư vấn về tình hình và đặc điểm của Công ty

Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế dựa trên các tài liệu do Công ty cổ phần EVN Quốc tế cung cấp tại thời điểm lập Bản Tóm tắt thông tin. Công ty Cổ phần EVN Quốc tế đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu



cung cấp cho SSI và cung cấp trong Bản Tóm tắt thông tin này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế phụ thuộc nhiều vào tình hình diễn biến của thị trường đối với mỗi lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Các kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức Công ty đưa ra sẽ đạt được với giả thiết là các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có nhiều biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.



III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

a. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trương Quang Minh	Chủ tịch HĐQT điều hành
Ông Hoàng Xuân Quý	Thành viên HĐQT điều hành
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Võ Văn Thành	Thành viên HĐQT không điều hành
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai	Thành viên HĐQT không điều hành

b. Sơ yếu lý lịch

❖ Ông Trương Quang Minh – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	Trương Quang Minh	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	04/01/1971	
Nơi sinh:	Quảng Bình	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	18 Hà Huy Giáp – Quận Hải Châu – TP Đà Nẵng	
CMND số:	201612903 ngày cấp: 12/01/2016; nơi cấp: Tp.Đà Nẵng.	
Điện thoại liên hệ:	Di động: 0984.868883	
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không		
Quá trình công tác:		
Từ năm....đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1989 - 06/1994	Học tập tại Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Sinh viên
08/1994 - 06/2008	Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Chuyên viên phòng Kỹ thuật
06/2008 - 09/2008	Ban quản lý dự án các công trình điện	Phó phòng Đầu thầu

THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

**EVNINTERNATIONAL**

	Miền Trung	
09/2008 - 12/2009	Chuyên công tác về Công ty cổ phần EVN Quốc tế	Phó phòng Kỹ thuật
12/2009 - 07/2011	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Trưởng phòng Kỹ thuật
07/2011 – 01/2015	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	UV. HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
01/2015 – đến nay	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký:

- Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phiếu
- Sở hữu đại diện cho Tổng công ty Phát điện 1: 5.732.761 cổ phiếu tương ứng 15,63% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nếu có: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

❖ Ông Hoàng Xuân Quý – Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Hoàng Xuân Quý
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/04/1972
Nơi sinh:	Quảng Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 17, Nguyễn Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.
CMND số:	201689612; ngày cấp: 26/5/2011; nơi cấp: Tp. Đà Nẵng.
Điện thoại liên hệ:	Di động: 0906.556568



Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Kế toán trưởng, Chủ tịch Công đoàn.		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không		
Quá trình công tác:		
Từ năm....đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 8/1998 – 12/2005	Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2006 đến 09/2007	Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 10/2007 đến 08/2011	Công ty cổ phần EVN Quốc tế	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 08/2011 đến 01/2015	Công ty cổ phần EVN Quốc tế	Kế toán trưởng
Từ 01/2015 đến nay	Công ty cổ phần EVN Quốc tế	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký:		
- Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần		
- Sở hữu đại diện cho Tổng công ty Phát điện 1: 3.821.841 cổ phần tương ứng 10,42% /vốn điều lệ		
- Sở hữu của người có liên quan: không có		
Người liên quan: Không		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký: Không		
Thù lao và các khoản lợi ích khác nếu có: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm		
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không		

❖ Ông Nguyễn Quang Huy - Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Nguyễn Quang Huy
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	13/01/1973
Nơi sinh:	Hà Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Khu dân cư Lôi Động, P. Công Hòa, TX Chí Linh, tỉnh Hải Dương
CMND số:	141593618 cấp ngày 05/01/2016, nơi cấp: Hải Dương
Điện thoại liên hệ:	Di động: 0963.838688
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán doanh nghiệp, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký: Ủy viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Trưởng Ban Kiểm Soát – Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Quá trình công tác:

Từ năm....đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994-1997	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bạch Đằng 8.	Kế toán viên
1997-2002	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Kế toán viên
2002-04/2016	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Phó Trưởng Phòng Tài Chính Kế Toán
2010 - Nay	Công ty cổ phần EVN Quốc tế	Ủy viên HĐQT
04/2016- Nay	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Trưởng Ban Kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký:

- Sở hữu cá nhân: Không



- Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại: 7.080.000 cổ phiếu tương ứng 19,3% vốn điều lệ của EVNI

- Sở hữu của người có liên quan:

Cá nhân/tổ chức có liên quan	Quan hệ/Chức vụ	SLCP
CTCP Nhiệt điện Phả Lại	Trưởng BKS	7.080.000 tương ứng 19,3% vốn điều lệ tại EVNI

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nếu có: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

❖ **Ông Võ Văn Thành- Thành viên HĐQT**

Họ và tên:	Võ Văn Thành
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	11/9/1969
Nơi sinh:	Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	301 -E5, Quỳnh Mai, Quận Hai Bà trung, Hà Nội
Địa chỉ tạm trú:	Phước Long B, Quận 9, Tp. HCM
CMND số:	040069000019 cấp ngày 27/08/2014, nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú Hà Nội.
Điện thoại liên hệ:	Di động: 0913535347
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế xây dựng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký: Ủy viên HĐQT	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.	
Quá trình công tác:	

THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

**EVNINTERNATIONAL**

Từ năm....đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1999 - 4/2010	Tổng Công ty cà Phê Việt Nam	Phó trưởng Ban KHĐT
5/2010 – nay	Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam	Phó trưởng Ban KHĐT
Từ 04/2014 đến nay	Công ty cổ phần EVN Quốc tế	Ủy Viên HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký:

- Sở hữu cá nhân: Không

- Sở hữu đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam: 4.320.000 cổ phiếu tương ứng 11,78% vốn điều lệ

- Sở hữu của người có liên quan:

Cá nhân/tổ chức có liên quan	Quan hệ/Chức vụ	SLCP
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Phó ban KHĐT	4.320.000 cổ phiếu tương ứng 11,78% vốn điều lệ EVNI

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nếu có: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

❖ Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Nguyễn Thị Ngọc Mai
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	01/03/1974
Nơi sinh:	Nam Hà
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	14 ngõ 10, Hồ Đắc Di, Hà Nội
CMND số:	011634783 cấp ngày 22/12/1997 tại CA Hà Nội

THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

**EVNINTERNATIONAL**

Điện thoại liên hệ: Di động: 0906008386

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký: Ủy viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP An Bình

Quá trình công tác:

Từ năm....đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1995 – 2001	Công tác tại Viện Năng Lượng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.	Chuyên viên
Từ năm 2001 – 2007	Công tác tại Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn điện lực Việt Nam	Chuyên viên
Từ năm 2007 – 2012	Ngân hàng TMCP An Bình, Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình, Công ty tài chính cổ phần điện lực Việt Nam.	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP An Bình; Tổng Giám đốc – Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty tài chính cổ phần điện lực Việt Nam;
Từ năm 2012 đến nay:	Ngân hàng TMCP An Bình; Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP An Bình; Tổng Giám đốc – Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình
Từ năm 2008 đến nay:	Công ty cổ phần EVN Quốc tế	Ủy Viên HĐQT

THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

**EVNINTERNATIONAL**

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không		
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký:			
- Sở hữu cá nhân: Không			
- Sở hữu đại diện cho Ngân hàng TMCP An Bình: 3.780.000 cổ phiếu tương ứng 10,3% vốn điều lệ EVNI			
- Sở hữu của người có liên quan:			
Cá nhân/tổ chức có liên quan	Quan hệ/Chức vụ	SLCP	
Ngân hàng TMCP An Bình	Phó Tổng giám đốc	3.780.000 cổ phiếu tương ứng 10,3% vốn điều lệ EVNI	
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký: Không			
Thù lao và các khoản lợi ích khác nếu có: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm			
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không			
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không			

2. Cơ cấu thành phần Ban kiểm soát**a. Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng ban kiểm soát
Ông Đồng Quốc Cường	Thành viên
Bà Đinh Hải Ninh	Thành viên

b. Sơ yếu lý lịch**❖ Bà Nguyễn Thị Hương – Trưởng ban**

Họ và tên:	Nguyễn Thị Hương
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	03/08/1973
Nơi sinh:	Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 37, Tổ 7, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.



CMND số:	030173000002 cấp ngày 29/3/2013, nơi cấp: Hà Nội	
Điện thoại liên hệ:	Di động: 0904201090	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế Phát triển	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký: Trưởng ban kiểm soát công ty		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP An Bình		
Quá trình công tác:		
Từ năm....đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1990 – 1994	Học tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	Sinh Viên
Từ năm 1994 – 1997	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Chuyên viên thanh toán thuộc Hội đồng Thanh toán Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Từ năm 1997 – 2001	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Chuyên Viên Phòng Nghiên cứu kinh tế nước ngoài, Vụ chính sách tiền tệ.
Từ năm 2001 – 2005	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Phó Trưởng Phòng Chính sách tín dụng và lãi suất, Vụ chính sách tiền tệ.
Từ năm 2005 – 2007	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu kinh tế nước ngoài, Vụ chính sách tiền tệ.
Từ năm 2007 – 2016	Ngân hàng TMCP An Bình	Trưởng Phòng Quản lý rủi ro, Phó Giám đốc, Giám đốc khối nguồn vốn, Thành viên Hội đồng đầu tư
Từ 03/2016 – đến nay.	Ngân hàng TMCP An Bình	Phó Tổng Giám đốc
Từ 04/2014 – đến nay.	Công ty cổ phần EVN Quốc tế	Trưởng Ban Kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký:		
- Sở hữu cá nhân: Không		
- Sở hữu đại diện: Không		
- Sở hữu của người có liên quan:		
Cá nhân/tổ chức có liên quan	Quan hệ/Chức vụ	SLCP
Ngân hàng TMCP An Bình	Phó Tổng giám đốc	3.780.000 cổ phiếu tương ứng 10,3% vốn điều lệ EVNI
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký: Không		
Thù lao và các khoản lợi ích khác nếu có: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm		
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không		

❖ Ông Đồng Quốc Cường - Thành Viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:	Đồng Quốc Cường
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	21/03/1956.
Nơi sinh:	Thành phố Nam Định. Nguyên quán: Hải Phòng
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	P808 nhà CT4-A1 Khu đô thị mới Bắc Linh Đàm - Hoàng Mai - Hà Nội.
CMND số:	012580971 cấp ngày 20/05/2003, nơi cấp: TP Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	Di động: 0913473873
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký:	Thành viên ban kiểm soát công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà (thuộc SOVICO HOLDINGS).

THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

**EVNINTERNATIONAL**

Quá trình công tác:

Từ năm....đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1974 đến 1980	Học Đại học khoa Ảnh hàng không Trường Trắc địa, Ảnh hàng không và bản đồ Matxcova (Liên Xô cũ).	Sinh viên
Từ năm 1980 đến 1989	Công tác tại Matxcova, hợp tác lao động Việt Nam - Liên Xô.	
Từ năm 1989 đến 1991	Công ty liên doanh VIETSOLIGHTER tại Hải Phòng.	Trợ lý kỹ sư trưởng
Từ năm 1991 đến 1996	Công ty liên doanh “Baikal Shipping company” tại Vladivôxtôc - Liên bang Nga.	Phó giám đốc
Từ năm 1996 đến 2000	Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam	
Từ năm 2000 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà (thuộc SOVICO HOLDINGS).	Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc
Từ năm 2007 đến nay	Công ty cổ phần EVN Quốc tế	Thành viên Ban Kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần đầu tư Bắc Hà: 600.000 cổ phần tương ứng 1,64% vốn điều lệ EVNI
- Sở hữu của người có liên quan:

Cá nhân/tổ chức có liên quan	Quan hệ/Chức vụ	SLCP
Công ty cổ phần đầu tư Bắc Hà	Phó Tổng giám đốc	600.000 cổ phần tương ứng 1,64% vốn điều lệ EVNI

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác nếu có: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

❖ Bà Đinh Hải Ninh - Thành viên

Họ và tên:	Đinh Hải Ninh	
Giới tính:	Nữ	
Ngày tháng năm sinh:	19/01/1971	
Nơi sinh:	Ý Yên, Hà Nam Ninh	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	36 tổ 19B khu 6 phường Quang Trung, TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	
CMND số:	100600790, cấp ngày 06/10/2014, nơi cấp: CA Quảng Ninh	
Điện thoại liên hệ:	Di động: 0982.458.631	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký: Thành viên ban kiểm soát Công ty,		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:		
+ Thành viên ban kiểm soát Tổng Công ty Phát điện 1		
+ Chuyên viên chính Ban Kiểm soát nội bộ, Tổng Công ty Phát điện 1		
Quá trình công tác:		
Từ năm....đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 - 2012	Công ty nhiệt điện Uông Bí	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán
2013 - 2014	Tổng Công ty Phát điện 1	Chuyên viên Ban Tổng hợp

THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

**EVNINTERNATIONAL**

Từ 04/2013 – đến nay.	Công ty cổ phần EVN Quốc tế	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 2015 - đến nay	Tổng Công ty Phát điện 1	Chuyên viên chính Ban Kiểm soát nội bộ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký:		
- Sở hữu cá nhân: Không		
- Sở hữu đại diện: Không		
- Sở hữu người có liên quan:		
Cá nhân/tổ chức có liên quan	Quan hệ/Chức vụ	SLCP
Tổng Công ty Phát điện 1	Chuyên viên chính Ban Kiểm soát nội bộ	9.554.502 tương ứng 26,05% vốn điều lệ tại EVNI
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký: Không		
Thù lao và các khoản lợi ích khác nếu có: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm		
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không		

3. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý*a. Danh sách thành viên*

Ông Trương Quang Minh

Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quí

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

b. Sơ yếu lý lịch

❖ Ông Trương Quang Minh – đã trình bày tại mục 1b

❖ Ông Hoàng Xuân Quí – đã trình bày tại mục 1b

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế hiện đang hoạt động và tuân thủ theo các quy định về công ty đại chúng. Việc minh bạch hóa quản trị và công bố thông tin được thực hiện đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định.



Công ty luôn chú trọng đến công tác tăng cường quản trị như sau:

- Rà soát và hoàn thiện các quy trình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Đào tạo nguồn nhân lực kế cận, khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.
- Cập nhật kịp thời các kiến thức mới về quản trị thông qua các khóa đào tạo do UBCKNN tổ chức và thực hiện



IV. PHỤ LỤC

1. Điều lệ Công ty
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
3. Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty năm 2015
4. Báo cáo tài chính quý IV năm 2016

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Quang Minh

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC KHU VỰC PHÍA BẮC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Nguyễn Ngọc Anh
GIÁM ĐỐC KHỐI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ
PHÍA BẮC